

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Auxiliary contact block, TeSys K, 3NO+1NC, front mounting, screw clamp terminals

LA1KN31

Main

| | |
|---|---|
| Range | TeSys |
| Product name | TeSys K |
| Product or component type | Auxiliary contact block |
| Device short name | LA1 |
| Range compatibility | TeSys K LC1K TeSys K CA2K TeSys K CA3K |
| Mounting location | Front |
| Pole contact composition | 3 NO + 1 NC |
| Contacts operation | Instantaneous |
| [Ue] rated operational voltage | 690 V AC 25...400 Hz |
| [Ui] rated insulation voltage | 690 V conforming to IEC 60947-5-1 600 V conforming to UL 60947-5-1 600 V conforming to CSA C22.2 No 60947-5-1 |
| [Ith] conventional free air thermal current | 10 A (at 50 °C) |
| Standards | EN/IEC 60947-5-1 UL 60947-5-1 CSA C22.2 No 60947-5-1 GB/T 14048.5 JIS C8201-5-1 UL 60335-2-40:Annex JJ |
| Product certifications | CB Scheme CCC UL CSA CE UKCA |

Complementary

| | |
|-------------------------------|--|
| Irms rated making capacity | 110 A at <= 690 V AC conforming to IEC 60947 |
| Permissible short-time rating | 80 A 1 s 60 A 500 ms 110 A 100 ms |
| Associated fuse rating | 10 A gG at <= 690 V conforming to IEC 60947 |
| Minimum switching current | 5 mA |
| Minimum switching voltage | 17 V |
| Non overlap distance | 0.5 mm |
| Insulation resistance | > 10 MOhm |

| | |
|--------------------------------|--|
| Connections - terminals | Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.34...1.5 mm ² flexible with cable end Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.75...4 mm ² flexible without cable end Screw clamp terminals 1 cable(s) 1.5...4 mm ² rigid Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.34...1.5 mm ² flexible with cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.75...4 mm ² flexible without cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 1.5...4 mm ² rigid |
| Tightening torque | 1.3 N.m - with screwdriver Philips No 2 1.3 N.m - with screwdriver pozidriv No 2 |
| Height | 30 mm |
| Width | 38 mm |
| Depth | 35 mm |
| Net weight | 0.045 kg |

Environment

| | |
|--|------------------------------|
| Environmental characteristic | Normal environment |
| IP degree of protection | IP20 conforming to IEC 60529 |
| Protective treatment | TC conforming to IEC 60068 |
| Ambient air temperature for storage | -50...80 °C |
| Ambient air temperature for operation | -25...50 °C |
| Operating altitude | 2000 m |

Packing Units

| | |
|-------------------------------------|--------|
| Unit Type of Package 1 | PCE |
| Number of Units in Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 3.8 cm |
| Package 1 Width | 3.6 cm |
| Package 1 Length | 4 cm |
| Package 1 Weight | 41 g |
| Unit Type of Package 2 | BB1 |
| Number of Units in Package 2 | 10 |
| Package 2 Height | 3 cm |
| Package 2 Width | 14 cm |
| Package 2 Length | 13 cm |
| Package 2 Weight | 410 g |
| Unit Type of Package 3 | S02 |
| Number of Units in Package 3 | 100 |
| Package 3 Height | 15 cm |
| Package 3 Width | 30 cm |
| Package 3 Length | 40 cm |
| Package 3 Weight | 4.1 kg |

Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

[Dữ liệu môi trường đã giải thích >](#)

[Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >](#)

Ảnh hưởng môi trường

| | |
|---|---|
| Carbon footprint (kg.eq.CO2 per CR, Total Life cycle) | 6 |
|---|---|

| | |
|--------------------------|---|
| Environmental Disclosure | Product Environmental Profile |
|--------------------------|---|

Use Better

Vật liệu và Bao bì

| | |
|--|-----|
| Packaging made with recycled cardboard | Yes |
|--|-----|

| | |
|--------------------------------------|----|
| Packaging without single use plastic | No |
|--------------------------------------|----|

| | |
|-----------------------------------|-----------|
| EU RoHS Directive | Compliant |
|-----------------------------------|-----------|

| | |
|------------------|-----------------------------------|
| REACH Regulation | REACH Declaration |
|------------------|-----------------------------------|

| | |
|-----------------------|--|
| China RoHS Regulation | China RoHS declaration |
|-----------------------|--|

Use Again

Đóng gói lại và tái sản xuất

| | |
|---------------------|--|
| Circularity Profile | No need of specific recycling operations |
|---------------------|--|

WEEE



The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Take-back

No
